

(Đề thi có 4 trang)

Họ tên :Số báo danh :

Mã đề 002

Câu 41: Biện pháp mở rộng diện tích rừng đặc dụng ở nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang. B. tăng cường khai thác.
C. trồng cây theo băng. D. thành lập khu bảo tồn.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phu Luông. C. Pu Si Lung. D. Pha Luông.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp so với tổng diện tích gieo trồng lớn hơn cả?

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Bình. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết mũi Ba Làng An thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Yên. B. Khánh Hòa. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Gia Lai?

- A. Quảng Ngãi. B. Quy Nhơn. C. Pleiku. D. Kon Tum.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

- A. Ngọc Linh. B. Vọng Phu. C. Kon Ka Kinh. D. Chư Pha.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Na Dương thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ninh. B. Thái Nguyên. C. Bắc Giang. D. Lạng Sơn.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây có diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Thu Bồn. B. Sông Thái Bình. C. Sông Ba. D. Sông Mã.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?

- A. Nha Trang. B. Đà Nẵng. C. Thanh Hoá. D. Hà Nội.

Câu 50: Nơi nào sau đây thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta?

- A. Ao hồ. B. Vịnh biển. C. Đầm phá. D. Bãi triều.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ?

- A. Lạng Sơn. B. Hà Nội. C. Đồng Hới. D. Điện Biên Phủ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu?

- A. Lâm Đồng. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Khánh Hoà.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Chu Lai thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Khánh Hòa. D. Bình Định.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khoáng sản nào sau đây?

- A. Than đá. B. Quặng sắt. C. Đá quý. D. Sét cao lanh.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển Vân Phong thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Khánh Hòa. B. Bình Định. C. Quảng Ngãi. D. Quảng Nam.

Câu 56: Hạn hán ở nước ta thường gây ra

- A. lũ quét. B. cháy rừng. C. sương muối. D. tuyết rơi.

Câu 57: Sản phẩm nào sau đây **không** thuộc ngành điện lực ở nước ta?

- A. Thủy điện. B. Điện gió. C. Nhiệt điện. D. Điện tử.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Cha Lo. B. Lệ Thanh. C. Lao Bảo. D. Cầu Treo.

Câu 59: Địa hình núi cao và đồ sộ nhất nước là đặc điểm của vùng núi

- A. Trường Sơn Nam. B. Tây Bắc.
C. Trường Sơn Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 60: Trong những năm gần đây diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh là do

- A. nhu cầu thị trường lớn. B. điều kiện tự nhiên thuận lợi.
C. lao động có kinh nghiệm. D. phát triển công nghiệp chế biến.

Câu 61: Đai ôn đới gió mùa trên núi hình thành đất feralit có mùn là do

- A. nhiệt độ giảm, quá trình feralit diễn ra mạnh. B. nhiệt độ tăng, quá trình feralit suy giảm.
C. nhiệt độ tăng, quá trình feralit diễn ra mạnh. D. nhiệt độ giảm, quá trình feralit suy giảm.

Câu 62: Lãnh thổ nước ta

- A. nằm hoàn toàn ở trong vùng xích đạo. B. chỉ tiếp giáp các quốc gia trên biển.
C. có vùng đất gập nhiều lần vùng biển. D. có nhiều đảo lớn nhỏ ở ven bờ.

Câu 63: Do tiếp giáp với Biển Đông nên nước ta có

- A. gió mùa hoạt động. B. có khí hậu nóng ẩm.
C. mùa đông bớt khô. D. nhiệt độ trung bình cao.

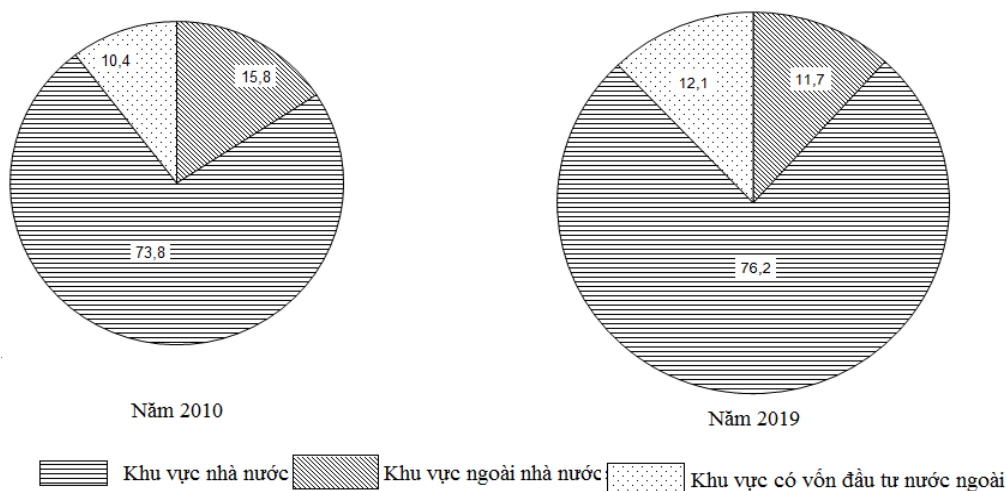
Câu 64: Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng khí tự nhiên ít phân bố ở miền Bắc vì

- A. có ít các sông lớn. B. nhu cầu sử dụng ít.
C. thiếu nguồn lao động. D. xa nguồn nguyên liệu.

Câu 65: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia. B. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ.
C. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt. D. đảm bảo nguyên liệu, chú trọng xuất khẩu.

Câu 66: Cho biểu đồ:

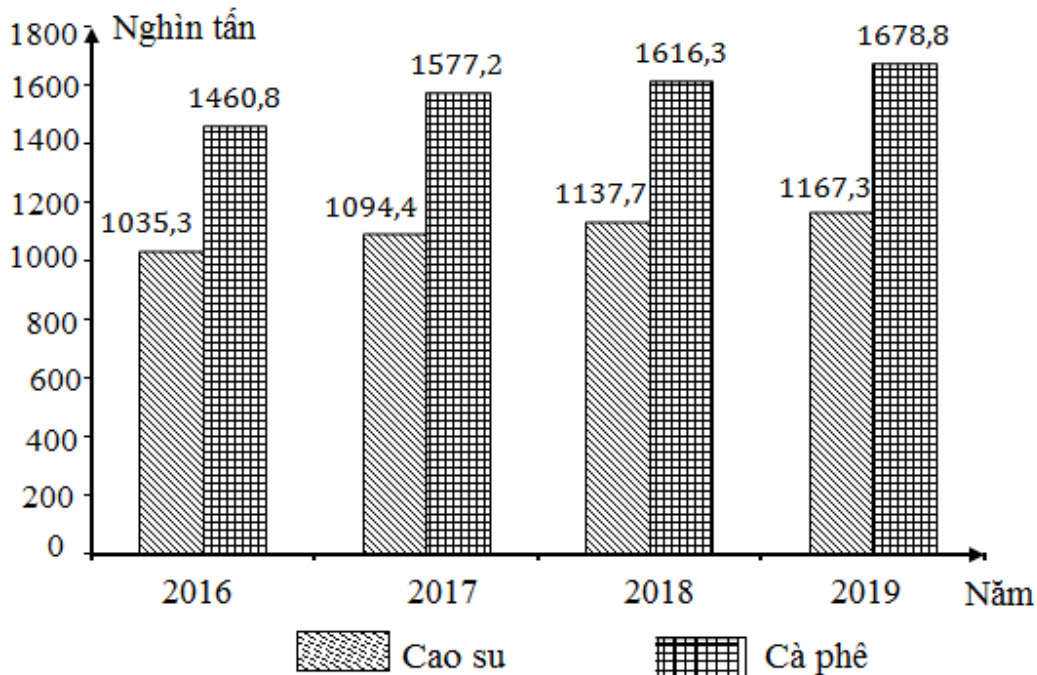


CƠ CẤU DOANH THU DU LỊCH PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2019 (%)
Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019, NXB thống kê 2020

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng cơ cấu doanh thu du lịch phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2019 so với năm 2010?

- A. Ngoài nhà nước giảm, có vốn đầu tư nước ngoài tăng.
B. Nhà nước giảm, có vốn đầu tư nước ngoài giảm.
C. Nhà nước giảm, ngoài nhà nước tăng.
D. Có vốn đầu tư nước ngoài tăng, nhà nước tăng.

- Câu 67:** Việc tập trung lao động đông ở nông thôn gây khó khăn cho việc
- A. phát triển các ngành công nghiệp. B. phát triển các ngành dịch vụ.
 C. phát triển các ngành truyền thống. D. khai thác hợp lí nguồn tài nguyên.
- Câu 68:** Ở nước ta tỉ lệ gia tăng dân số giảm nhưng quy mô dân số vẫn ngày càng tăng là do
- A. quy mô dân số lớn, cơ cấu dân số trẻ. B. cơ cấu dân số già, quy mô dân số lớn.
 C. tuổi thọ trung bình tăng, quy mô dân số lớn. D. gia tăng cơ học cao, quy mô dân số lớn.
- Câu 69:** Tỉ lệ dân thành thị nước ta còn thấp chủ yếu do
- A. lao động nông nghiệp vẫn còn tỉ lệ lớn.
 B. dân cư chủ yếu sống ở nông thôn.
 C. chịu ảnh hưởng lâu dài của chiến tranh.
 D. công nghiệp hóa phát triển còn chậm,
- Câu 70:** Tỉ lệ thất nghiệp ở nước ta hiện nay vẫn còn cao chủ yếu do
- A. lao động tăng, kinh tế chậm phát triển.
 B. lao động kĩ thuật ít, công nghiệp hạn chế.
 C. dân cư nông thôn đông, ít hoạt động dịch vụ.
 D. đô thị mở rộng, đất nông nghiệp bị thu hẹp.
- Câu 71:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay phát triển nhanh?
- A. công nghiệp chế biến đáp ứng được nhu cầu.
 B. ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kĩ thuật.
 C. thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng.
 D. diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng.
- Câu 72:** Cho biểu đồ về cao su và cà phê của nước ta giai đoạn 2016 – 2019:



Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB thống kê, 2020

- Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?
- A. Cơ cấu sản lượng cao su và cà phê.
 B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng cao su và cà phê.
 C. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng cao su và cà phê.
 D. Quy mô sản lượng cao su và cà phê.
- Câu 73:** Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta chuyển biến rõ rệt nguyên nhân chủ yếu là do
- A. tăng trưởng kinh tế gần đây nhanh. B. kinh tế phát triển và công nghiệp hóa.
 C. chuyển sang nền kinh tế thị trường. D. lao động dồi dào và tăng nhanh.

- Câu 74:** Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời ở nước ta hiện nay chủ yếu là do
- A. cơ sở hạ tầng được hoàn thiện hơn. B. cơ cấu dân số theo tuổi có sự thay đổi.
C. các nguồn vốn đầu tư tiếp tục tăng. D. nhu cầu sản xuất, đời sống đa dạng.

Câu 75: Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT XUẤT CƯ VÀ NHẬP CƯ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2019

(Đơn vị: %)

Tỉnh	Nghệ An	Hà Tĩnh	Quảng Bình	Quảng Trị
Tỉ suất xuất cư	7,0	8,1	7,3	9,4
Tỉ suất nhập cư	1,0	2,5	1,9	2,3

Số liệu theo niên giám thống kê 2019, NXB thống kê 2020

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ gia tăng cơ học của một số tỉnh năm 2019

- A. Quảng Trị thấp hơn Nghệ An. B. Hà Tĩnh cao hơn Nghệ An.
C. Quảng Bình cao hơn Hà Tĩnh. D. Quảng Bình thấp hơn Quảng Trị.

Câu 76: Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay được đẩy nhanh chủ yếu là do

- A. phát triển kinh tế và công nghiệp hóa.
B. hình thành và phát triển các khu công nghiệp.
C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.
D. hiện đại hóa nông thôn và tăng dịch vụ.

Câu 77: Đặc điểm nào sau đây của địa hình nước ta làm cho tính chất nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn?

- A. Đồi núi thấp và đồng bằng chiếm nhiều diện tích.
B. Cấu trúc cổ được trẻ lại, phân bậc rõ theo độ cao.
C. Biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa, bị cắt xẻ nhiều.
D. Hướng núi chính tây bắc - đông nam, vòng cung.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Lúa đông Xuân	Lúa hè thu	Lúa mùa
2010	19216,8	11686,1	9102,7
2019	20470,0	14896,4	8079,7

(Số liệu theo niên giám thống kê 2019, NXB thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu sản lượng lúa cả năm của nước ta năm 2010 và năm 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Miền. C. Tròn. D. Đường.

Câu 79: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông kéo dài và lạnh nhất nước nguyên nhân chủ yếu là do

- A. hướng địa hình, gió mùa Đông Bắc và Tín Phong.
B. vị trí địa lí, hướng địa hình và gió mùa Đông Bắc.
C. vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc và gió Tín Phong.
D. vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc và gió Đông Nam.

Câu 80: Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương kết hợp với dãy Trường Sơn nhân tạo cho miền Trung nước ta có

- A. mùa mưa đến muộn, có gió phơn.
B. mùa mưa đến sớm, có gió phơn.
C. mùa khô đến muộn, có gió tín phong
D. mùa khô đến sớm, có gió Tín Phong.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.